TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ THUẬN AN** **TỈNH BÌNH DƯƠNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số:680/2023/QĐST-HNGĐ	*Thuận An, ngày 06 tháng 9 năm 2023*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ THUẬN AN, TỈNH BÌNH DƯƠNG

Căn cứ vào Điều 212, Điều 213 và Khoản 4 Điều 397 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 55, 81, 82, 83 và 84 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Luật Phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số: 848/2023/TLST-VDS ngày 22 tháng 8 năm 2023 về việc "Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn và thỏa thuận nuôi con", gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

- *Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:*

Ông Võ Tuấn A, sinh năm 1988; địa chỉ: 245/2 khu phố B, phường A, thành phố T, tỉnh Bình Dương.

Bà Nguyễn Thị Yến N, sinh năm 1995; địa chỉ: 162 khu phố A, phường A, thành phố T, tỉnh Bình Dương.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Ông Võ Tuấn A và bà Nguyễn Thị Yến N tự nguyện kết hôn, có đăng ký kết hôn vào năm 2015 tại Ủy ban nhân dân phường An Thạnh, thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương theo Giấy chứng nhận kết hôn số 88/2015. Do đó, quan hệ hôn nhân giữa ông A và bà N là hợp pháp theo quy định tại Điều 9 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014. Do hôn nhân đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được nên ông A và bà N yêu cầu Tòa án công nhận thuận tình ly hôn. Do hai bên đã thực sự tự nguyện ly hôn, phù hợp quy định tại Điều 55 Luật hôn nhân và gia đình nên Tòa án công nhận.

[2] Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung tên Võ Ngọc An N, sinh ngày 25/7/2017 khi ly hôn bà N và ông A thống nhất con chung Võ Ngọc An N sẽ do bà Nguyễn Thị Yến N nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục.

[3] Về cấp dưỡng nuôi con: Ông Võ Tuấn A tự nguyện cấp dưỡng mỗi tháng 2.000.000 đồng cho đến khi con chung đủ 18 tuổi.

[4] Về tài sản chung, nợ chung: Bà N và ông A thống nhất không yêu cầu nên Tòa án không xem xét giải quyết.

[5] Về lệ phí sơ thẩm: Ông Võ Tuấn A và bà Nguyễn Thị Yến N mỗi người tự nguyện chịu số tiền 150.000 đồng phù hợp quy định tại Điều 149 Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 3 Điều 37 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án nên Tòa án ghi nhận.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành (25/8/2023), không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Ông Võ Tuấn A và bà Nguyễn Thị Yến N thuận tình ly hôn.

- Về con chung: Giao con chung tên Võ Ngọc An N, sinh ngày 25/7/2017 cho bà N nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục.

Không ai được quyền cản trở ông Võ Tuấn A trong việc thăm nom, chăm sóc con chung.

Vì lợi ích của con chưa thành niên, theo yêu cầu của một hoặc cả hai bên, Toà án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con sau này khi cần thiết.

- Về cấp dưỡng nuôi con: Ông Võ Tuấn A có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 2.000.000 đồng, thời gian cấp dưỡng nuôi con từ tháng 9/2023 đến khi con chung đủ 18 tuổi.

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật và người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu người phải thi hành án không thanh toán số tiền nêu trên thì người phải thi hành án còn phải trả cho người được thi hành án khoản tiền lãi bằng mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

- Về tài sản chung, nợ chung: Không đặt ra xem xét giải quyết do đương sự không yêu cầu.

2. Về lệ phí Tòa án: Ông Võ Tuấn A và bà Nguyễn Thị Yến N mỗi người tự nguyện chịu số tiền 150.000 đồng (một trăm năm mươi ngàn đồng) lệ phí việc dân sự sơ thẩm, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí tòa án số AA/2021/0012926 ngày 16/8/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Thuận An.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành

án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Bình Dương;
- VKSND Tp. Thuận An;
- CCTHADS Tp. Thuận An;
- UBND dân phường An Thạnh, thành phố Thuận An;
- Đương sự;
- Lưu: HSVA, VT.

THẨM PHÁN

Võ Thị Thu Thảo